

Bản án số 11/2019/HS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HUNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Sỹ Thái-Chủ tịch hội đồng mục vụ giáo họ Trần Xá, thị trấn Trần Cao, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Ông Đào Minh Viện-Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng là thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1989.

Sinh, trú quán: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N vợ Trần Thị Kim Th, sinh năm 1988, có hai con: Lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014.

Bị cáo là con duy nhất.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Doãn Thanh B, sinh năm 1970-Có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1970-Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.
3. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1991-Vắng mặt.
Địa chỉ: thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.
4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976-Vắng mặt.
Địa chỉ: thôn K, xã P, huyện Sông L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1968-Có mặt.
Địa chỉ: thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.
- Chị Trần Thị Kim Th, sinh năm 1988-Có mặt.
Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972-Vắng mặt.
Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1989-Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.
- Ông Phạm Minh T, sinh năm 1969-Vắng mặt.
Địa chỉ: thôn Đại N, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.
- Anh Bùi Quang H, sinh năm 1988-Vắng mặt.
Địa chỉ: thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.
- Chị Tạ Thị Q, sinh năm 1983-Vắng mặt.
Địa chỉ: Đ, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.
- Ông Trần Xuân Ng, sinh năm 1957-Vắng mặt.
Địa chỉ: thôn Phí X, xã Lê X, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp T sản để ăn tiêu và trả nợ nên sáng 16/12/2018, Nguyễn Văn N sinh năm 1989, ở thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên điều khiển xe mô tô Honda Wave Anpha (không có biển kiểm soát) đi từ nhà đến địa bàn huyện P, tỉnh Hưng Yên nhằm mục đích trộm cắp T sản tại các đám cưới.

Khoảng 10 giờ ngày 16/12/2018, N đi đến địa phận thôn Đ, xã Đ, huyện P, nhìn thấy phía bên phải đường có một ngõ nhỏ dán chữ “Hi”, biết bên trong

có đám cưới, nên rẽ vào ngõ. N dựng xe mô tô ở ven đường và đi vào nhà của gia đình ông Doãn Thanh B, sinh năm 1970 đang tổ chức đám cưới cho con gái. Khi vào, gặp người trong đám cưới, N chào hỏi bình thường và giữ thái độ tự nhiên như khách mời đến dự đám cưới. Sau đó N đi vào các gian phòng trong nhà ông B để tìm nơi cất phong bì. N đi lên gác xép và nhìn thấy có hai người đàn ông đang nằm trên giường, N hỏi xã giao: “*anh có đi đón dâu không*”, thì có người trả lời “*không*”, N nói do uống hơi nhiều rượu nên nằm nghỉ, thì có một người đi xuống, N nằm với người đàn ông còn lại. Khoảng vài phút sau, N xuống tầng 1 và đi vào gian buồng, lúc này trong buồng không có người, N nhìn thấy có một hòm tôn để bên cạnh giường liền dùng tay cạy nắp hòm tôn lên, N nhìn thấy có rất nhiều phong bì, liền móc tay vào trong hòm khoảng 4 đến 5 lần, trộm cắp được số lượng rất nhiều phong bì chứa tiền mừng đám cưới, cất giấu vào trong áo sơ mi đang mặc, sau đó ra ngoài điều khiển xe mô tô đi đến xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, N đi đến khu vực chợ Tranh thuộc thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên, thấy nhà ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1968 đang tổ chức đám cưới cho con trai là anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1991, N dựng xe ở ngoài đường, đi vào nhà ông Q, sau đó đi lên tầng hai, N nhìn thấy có một chiếc ba lô, N mở ba lô và trộm cắp được một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMMUNG J5 màu vàng của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 ở thôn K, xã P, huyện Sông L, tỉnh Vĩnh Phúc, bà T về dự đám cưới anh H. N cất giấu điện thoại trên vào túi quần. Sau khi lấy được chiếc điện thoại, N đi lên tầng ba và lục tìm trong các ngăn tủ thấy một chiếc ba lô, N mở ba lô và trộm cắp được khoảng 10 chiếc phong bì chứa tiền mừng đám cưới của anh Nguyễn Hữu H, N đút vào túi quần và xuống lấy xe đi về. Trên đường về đến gần nương nước cánh đồng thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên, N dừng lại lấy toàn bộ số phong bì đã trộm được của anh Nguyễn Hữu H ra bóc, đếm được tổng số tiền là 3.700.000 đồng. N cho tiền vào túi quần và vứt vỏ phong bì ở khu vực nương nước rồi về nhà. Về đến nhà, N sang nhà chú ruột là ông Nguyễn Văn T1, ở thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên, ông T1 đã chết, nhà ông T1 không có người ở. N bỏ số phong bì đã trộm được ở đám cưới nhà ông B ra bóc. Khi bóc được một số phong bì, do sợ bố N sang phát hiện, nên N không bóc nữa và vơ toàn bộ số tiền cùng phong bì chưa bóc còn lại cho vào hòm đựng thóc tại nhà ông T1. Số vỏ phong bì đã bóc N mang xuống bếp và đốt hết. Đến trưa ngày 17/12/2018, N

quay lại nhà ông T1 lấy toàn bộ phong bì và tiền để trong hòm thóc ra, N bóc hết số phong bì này và sắp xếp toàn bộ số tiền trộm cắp được ở đám cưới nhà ông B cho vào một chiếc túi xách đen treo ở trong buồng nhà ông T1, số vỏ phong bì còn lại N vợ bỏ vào trong thùng và để ở trong buồng. Những ngày sau đó, N lấy tiền trộm cắp được để ở trong túi xách đen chi tiêu và trả nợ. Số tiền trộm cắp được tại nhà ông B, N đã trả nợ và chi tiêu vào những việc sau: trả nợ ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972 ở cùng thôn số tiền 3.500.000 đồng; trả nợ ông Phạm Minh T, sinh năm 1969 ở thôn Đại N, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên số tiền 2.600.000 đồng; trả nợ anh Bùi Quang H, sinh năm 1988 ở Thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên số tiền 11.000.000 đồng; trả nợ chị Tạ Thị Q, sinh năm 1983 ở thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên số tiền 2.500.000 đồng; trả nợ ông Trần Xuân Ng, sinh năm 1957 ở thôn Phú X, xã Lê X, huyện T, tỉnh Hưng Yên số tiền 3.000.000 đồng; cho anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1989 ở cùng thôn vay số tiền 350.000 đồng; mua 01 sợi dây chuyền bằng bạc tại cửa hàng vàng bạc ở thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên với giá 2.700.000 đồng để tặng vợ N là chị Trần Thị Kim Th, sinh năm 1988; số tiền còn lại là 16.600.000 đồng, N chi tiêu cá nhân hết.

Số tài sản N trộm cắp được tại nhà ông Q gồm: Chiếc điện thoại Samsung J5, N thay sim rồi đưa cho chị Th là vợ N dùng. Số tiền 3.700.000 đồng N giữ lại. Sáng ngày 22/12/2018, N đến nhà ông Q trả lại cho anh Nguyễn Hữu H toàn bộ số tiền trộm cắp là 3.700.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu trắng bạc. Gia đình ông Q đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài sản trên.

Quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn N tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan điều tra không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quan đến vụ án.

Chị Th đã giao nộp 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng (*niêm phong trong phong bì thư ký hiệu T1*); 01 điện thoại di động SAMMUNG J5 màu vàng và 01 túi xách bằng vải màu đen đã cũ.

Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà ông T1 nhiều vỏ phong bì đã bị xé rách, trên vỏ phong bì có ghi tên người mừng đám cưới. Sau khi tiến hành ghép số vỏ phong bì trên, kết quả đã ghép được 97 phong bì nguyên vẹn, xác định các vỏ phong bì mừng đám cưới trên đều là của gia đình ông Doãn Thanh B (*niêm phong trong phong túi hồ sơ bằng giấy, ký hiệu PB1*).

Gia đình ông Doãn Thanh B đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 102 vỏ phong bì đã bị xé góc là số phong bì mừng đám cưới còn lại không bị mất, gia đình ông Ba đã xé lấy tiền trong phong bì và giao nộp lại vỏ phong bì cho Cơ quan điều tra (*niêm phong trong túi hồ sơ bằng giấy, ký hiệu PB2*).

Ngoài ra còn thu giữ được tại khu vực nương nước cánh đồng thôn Đ, Đ có 03 vỏ phong bì mừng đám cưới đã bị xé, xác định đây là vỏ phong bì mừng đám cưới của anh Nguyễn Hữu H (*niêm phong trong bì thư dán kín ký hiệu PB3*).

Nguyễn Văn N giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng, điện thoại đã qua sử dụng.

Tất cả các vật chứng trên hiện đang được được bảo quản chờ xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/2019/KL-HĐ ngày 02/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, màu vàng, đã qua sử dụng và hoạt động bình thường, trị giá là 2.200.000 đồng.

Chiếc xe mô tô Honda Wave Anpha N sử dụng để đi trộm cắp tài sản là tài sản của hai vợ chồng N. Chị Th không biết N lấy xe để đi đâu, làm gì. Sau khi sử dụng xe mô tô đi trộm cắp, N đã bán chiếc xe cho một người không rõ tên tuổi địa chỉ được 3.500.000 đồng, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe mô tô trên.

Chị Trần Thị Kim Th không biết chiếc điện thoại Samsung J5 và số tiền mua sợi dây chuyền là do N trộm cắp mà có, nên không xem xét xử lý.

Những người được Nguyễn Văn N trả nợ, cho vay, mua sợi dây chuyền là ông Th, ông T, ông Ng, anh H, chị Q, anh M và cửa hàng vàng bạc, đều không biết nguồn gốc số tiền trên là do N trộm cắp mà có, nên không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn N đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Doãn Thanh B số tiền 42.250.000 đồng. Gia đình ông B đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho N.

N đã tự nguyện bồi thường trả cho anh Nguyễn Hữu H số tiền 3.700.000 đồng, anh H đã nhận tiền bồi thường nhưng sau đó lại tự nguyện giao nộp cho

Cơ quan điều tra. Chị Th đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động Samsung J5 để trả cho bà T. Anh H và bà T không yêu cầu N phải bồi thường gì thêm, chỉ đề nghị xử lý các tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng vật chứng đã thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKSPC ngày 07/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo khẳng định lời khai tại giai đoạn điều tra là đúng và không bị ép buộc. Bị cáo nhất trí với kết luận định giá tài sản không có ý kiến gì.

Ông B không yêu cầu gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, số phong bì đã nộp cho cơ quan điều tra ông B không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và có quan điểm đề nghị: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho người bị hại. tài sản bị cáo trộm cắp tại nhà ông Q gây thiệt hại không lớn, chiếc điện thoại của bà T đã được thu hồi nguyên vẹn trả cho bà T. Ông B có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử : Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự đối với bị cáo N.

Xử phạt bị cáo N từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn N đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Doãn Thanh B số tiền 42.250.000 đồng, bồi thường trả cho anh Nguyễn Hữu H số tiền 3.700.000 đồng, anh H đã nhận tiền bồi thường nhưng sau đó lại tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Chiếc điện thoại di động Samsung J5 là tài sản của bà T đã được thu hồi. Ông B, anh H và bà T không yêu cầu N phải bồi thường gì thêm nên không xét.

Do bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Số tiền 3.700.000 đồng N bồi thường trả cho anh Nguyễn Hữu H, anh H đã nhận tiền bồi thường nhưng sau đó lại tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, chiếc điện thoại di động Samsung J5 là tài sản của bà T nên sẽ trả lại cho anh H, bà T số tài sản này.

01 chiếc điện thoại di động Samsung màu trắng bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng bị cáo, chị Th khai do bị cáo dùng tiền trộm cắp được để mua nhưng bị cáo đã trả người bị hại số tiền trộm cắp, nên trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu trắng bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, trả cho chị Th sợi dây chuyền.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 túi xách bằng vải màu đen đã cũ, 97 phong bì, 03 vỏ phong bì mừng đám cưới đã bị xé và 102 vỏ phong bì đã bị xé góc.

Chiếc xe bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản là tài sản chung của bị cáo và chị Th là vợ bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã bán đi được 3.500.000 đồng nên sẽ tịch thu của bị cáo $\frac{1}{2}$ số tiền này là 1.750.000 đồng.

Các vấn đề khác không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Bị cáo nhất trí không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

Ông B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Do có ý định trộm cắp tài sản của người khác để ăn tiêu nên từ khoảng 10 giờ đến 11 giờ ngày 16/12/2018, Nguyễn Văn N sinh năm 1989, ở thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên điều khiển xe mô tô Honda Wave Anpha không có biển kiểm soát đi từ nhà đến địa bàn huyện P, tỉnh Hưng Yên nhằm mục đích trộm cắp tài sản tại các đám cưới. Với thủ đoạn giả làm người được mời đến dự đám cưới, khoảng 10 giờ ngày 16/12/2018, N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là tiền mừng đám cưới của gia đình ông Doãn Thanh B, sinh năm 1970 ở thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên được số tiền là 42.250.000

đồng. Khoảng 11 giờ cùng ngày, N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là tiền mừng đám cưới của anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1991 ở chợ Tranh, thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên được số tiền là 3.700.000 đồng. Cũng tại nhà anh H, N đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5 màu vàng của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 ở thôn K, xã P, huyện Sông L, tỉnh Vĩnh Phúc, bà T về dự đám cưới anh H. Lấy được tài sản, N đã mang đến nhà chú ruột là ông Nguyễn Văn T1, ở thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên, ông T1 đã chết, nhà ông T1 không có người ở để cất giấu.

Số tiền trộm cắp được tại nhà ông B, N đã trả nợ và chi tiêu vào những việc sau: trả nợ ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972 ở cùng thôn số tiền 3.500.000 đồng; trả nợ ông Phạm Minh T, sinh năm 1969 ở thôn Đại N, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên số tiền 2.600.000 đồng; trả nợ anh Bùi Quang H, sinh năm 1988 ở Thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên số tiền 11.000.000 đồng; trả nợ chị Tạ Thị Q, sinh năm 1983 ở thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên số tiền 2.500.000 đồng; trả nợ ông Trần Xuân Ng, sinh năm 1957 ở thôn Phí X, xã Lê X, huyện T, tỉnh Hưng Yên số tiền 3.000.000 đồng; cho anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1989 ở cùng thôn vay số tiền 350.000 đồng; mua 01 sợi dây chuyền bằng bạc tại cửa hàng vàng bạc ở thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên với giá 2.700.000 đồng để tặng vợ N là chị Trần Thị Kim Th, sinh năm 1988; số tiền còn lại là 16.600.000 đồng, N chi tiêu cá nhân hết.

Số tài sản N trộm cắp được tại nhà ông Q gồm: Chiếc điện thoại Samsung J5, N thay sim rồi đưa cho chị Th là vợ N dùng. Số tiền 3.700.000 đồng N giữ lại. Sáng ngày 22/12/2018, N đến nhà ông Q trả lại cho anh Nguyễn Hữu H toàn bộ số tiền trộm cắp là 3.700.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu trắng bạc. Gia đình ông Q đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài sản trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/2019/KL-HĐ ngày 02/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, màu vàng, đã qua sử dụng và hoạt động bình thường, trị giá là 2.200.000 đồng.

[2]. Cơ quan điều tra công an huyện P, tỉnh Hưng Yên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật không có vi phạm gì.

[3]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và không bị hạn chế về năng lực hành vi nhưng đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Căn cứ các chứng cứ đã được thu thập thì có đủ căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ 10 giờ đến 11 giờ ngày 16/12/2018, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại hai nơi khác nhau, tại thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên chiếm đoạt của ông Doãn Thanh B số tiền 42.250.000 đồng, tại chợ Tranh, thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên chiếm đoạt của anh Nguyễn Hữu H số tiền 3.700.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Samsung J5 trị giá 2.200.000 đồng của bà Nguyễn Thị T. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá là 48.150.000 đồng. Với hành vi trộm cắp tài sản, với tính chất mức độ phạm tội, giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, nhân thân của bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn; tài sản bị cáo trộm cắp của bà T đã được thu hồi trả cho bị hại nên chưa gây thiệt hại; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho người bị hại là ông B, anh H; ông B đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong thời gian ngắn bị cáo thực hiện nhiều hành vi phạm tội, giá trị tài sản mỗi lần phạm tội đều trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 vì vậy cần thiết phải buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo tạo bị cáo.

Bị cáo không có tài sản, không có công việc ổn định, không có thu nhập nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình ông Doãn Thanh B số tiền 42.250.000 đồng, bồi thường trả cho anh Nguyễn Hữu H số tiền 3.700.000 đồng, anh H đã nhận tiền bồi thường nhưng sau đó lại tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Chiếc điện thoại di động Samsung J5 là tài sản của bà T đã được thu hồi. Ông B, anh H và bà T không yêu cầu N phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về vật chứng: Số tiền 3.700.000 đồng N bồi thường trả cho anh Nguyễn Hữu H, chiếc điện thoại di động Samsung J5 là tài sản của bà T nên sẽ trả lại cho anh H, bà T số tài sản này.

01 chiếc điện thoại di động Samsung màu trắng bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng do bị cáo dùng tiền trộm cắp được để mua nhưng bị cáo đã trả người bị hại số tiền trộm cắp, nên trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu trắng bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, trả cho chị Th sợi dây chuyền.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 túi xách bằng vải màu đen đã cũ, 97 phong bì, 03 vỏ phong bì mừng đám cưới đã bị xé và 102 vỏ phong bì đã bị xé góc.

Tịch thu của bị cáo N số tiền 1.750.000 đồng là giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe bị cáo đã sử dụng để đi trộm cắp nhưng đã bán.

[7]. Các vấn đề khác hội đồng xét xử không xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: 01 năm 09 tháng tù (Một năm chín tháng tù) về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Trả lại cho anh Nguyễn Hữu H số tiền 3.700.000 đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T chiếc điện thoại di động Samsung J5.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N: 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu trắng bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

Trả lại cho chị Trần Thị Kim Th 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 túi xách bằng vải màu đen đã cũ, 97 phong bì, 03 vỏ phong bì mừng đám cưới đã bị xé và 102 vỏ phong bì đã bị xé góc. Số phong bì này được niêm phong trong các niêm phong ký hiệu PB1, PB2, PB3.

Tình trạng vật chứng thể hiện theo Biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 29/5/2019 và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 1.750.000 đồng.

Các vấn đề khác hội đồng xét xử không xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án đối với số tiền tịch thu cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hình sự.

Các vấn đề khác không xét.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P, tỉnh Hưng Yên;
- Công an huyện P, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên ;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn